

Tp.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu về các kết quả biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa ngày 27/4/2010;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2009 và kế hoạch hoạt động năm 2010 (được đính kèm trong Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã gửi đến tất cả các cổ đông của Công ty)

Kết quả hoạt động năm 2009:

| TT | Các chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Thực hiện |
|----|----------------------|------------|-----------|
| 1 | Tổng Doanh thu | Triệu đồng | 91.043 |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | Sản phẩm | 72.951 |
| 3 | Tổng lợi nhuận | Triệu đồng | 7.357 |

Kế hoạch hoạt động năm 2010:

| TT | Các chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị | Kế hoạch 2010 |
|----|----------------------|------------|---------------|
| 1 | Tổng Doanh thu | Triệu đồng | 100.000 |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | Sản phẩm | 92.000 |
| 3 | Tổng lợi nhuận | Triệu đồng | 8.000 |

Tỷ lệ đồng ý thông qua báo cáo tổng kết hoạt động năm 2009 và kế hoạch hoạt động năm 2010 là 100% tổng số phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2: Thông qua một số báo cáo như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2009 – Tỷ lệ đồng ý thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết tại Đại hội.

- Báo cáo của Ban kiểm soát và Báo cáo của Công ty Kiểm toán – Tỷ lệ đồng ý thông qua là 100% tổng số phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 như sau:

| | | |
|--|---|--------------------|
| 1. | Tổng lợi nhuận | 7.356.768.970 đồng |
| 2. | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 457.686.408 đồng |
| 3. | Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (từ thuế TNDN được miễn, giảm) | 591.480.397 đồng |
| 4. | Lợi nhuận còn lại | 6.307.602.165 đồng |
| 5. | Chi thù lao cho các thành viên hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh | 54.000.000 đồng |
| 6. | Trích quỹ dự trữ (5% lợi nhuận còn lại) | 315.380.108 đồng |
| 7. | Trích quỹ khen thưởng | 700.000.000 đồng |
| 8. | Trích quỹ phúc lợi | 300.000.000 đồng |
| 9. | Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành từ khoản lợi nhuận vượt kế hoạch để khen thưởng các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý công ty | 300.000.000 đồng |
| 10. | Chi trả cổ tức cho cổ đông (7 %/vốn điều lệ) | 4.200.000.000 đồng |
| 11. | Lợi nhuận còn giữ lại | 438.222.057 đồng |
| 12. | Lợi nhuận còn giữ lại của các năm trước | 603.696.735 đồng |
| 13. | Tổng lợi nhuận còn giữ lại | 1.041.918.792 đồng |
| <p>Quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận còn giữ lại có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả quyết toán của cơ quan thuế. Sau khi quyết toán thuế, lợi nhuận còn lại là lợi nhuận chưa chia của cổ đông. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc phân chia Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng và Quỹ khen thưởng Ban điều hành.</p> | | |

Tỷ lệ đồng ý thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 là 100% tổng số phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2010 – 2015) như sau:

1. Hội đồng Quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 3.000.000 đồng/tháng.
- Các ủy viên Hội đồng Quản trị: 2.500.000 đồng/người/tháng.

2. Ban Kiểm soát:

- Trưởng Ban Kiểm soát: 1.700.000 đồng/tháng.
- Các thành viên Ban Kiểm soát: 1.200.000 đồng/người/tháng.

Tỷ lệ đồng ý thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như nêu trên là 100% tổng số phiếu biểu quyết tại Đại hội

Điều 5: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ: bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau vào Khoản 2 Điều 6 của Điều lệ:

| STT | Mã ngành | Tên ngành |
|-----|----------|--|
| 01 | 4610 | Đại lý, môi giới, đấu giá |
| 02 | 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác |
| 03 | 46900 | Bán buôn tổng hợp |
| 04 | 4771 | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các |

| STT | Mã ngành | Tên ngành |
|-----|----------|--|
| | | cửa hàng chuyên doanh |
| 05 | 5610 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động |
| 06 | 26300 | Sản xuất thiết bị truyền thông |
| 07 | 28170 | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng |
| 08 | | Kinh doanh dịch vụ viễn thông |

Tỷ lệ đồng ý thông qua việc bổ sung các ngành nghề nêu trên vào Khoản 2 Điều 6 của Điều lệ là 100% tổng số phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2010 – 2015):

| Stt | Họ và tên | Số phiếu bầu (phiếu) | Tỷ lệ số phiếu bầu so với tổng số cổ phần đại diện của tất cả cổ đông dự họp (%) |
|-----|--------------------|----------------------|--|
| 1 | Đặng Vĩnh Thành | 395.419 | 100,49% |
| 2 | Đỗ Khoa Tân | 391.519 | 99,50% |
| 3 | Nguyễn Anh Dũng | 379.039 | 96,33% |
| 4 | Võ Thuận | 377.294 | 95,88% |
| 5 | Trần Thị Ngọc Thảo | 365.595 | 92,91% |

Điều 7: Ứng viên trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2010 – 2015):

| Stt | Họ và tên | Số phiếu bầu (phiếu) | Tỷ lệ số phiếu bầu so với tổng số cổ phần đại diện của tất cả cổ đông dự họp (%) |
|-----|--------------------|----------------------|--|
| 1 | Võ Văn Chúng | 387.664 | 98,52% |
| 2 | Nguyễn Thị Vi Minh | 381.869 | 97,08% |
| 3 | Nguyễn Quốc Tuấn | 360.299 | 91,56% |

Điều 8 : Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty
- Thành viên HĐQT
- Thành viên Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc Công ty
- Lưu VT

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tọa

(Đã ký)

NGUYỄN ANH DŨNG